

**CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HUNG THỊNH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HUNG THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG THINH PHAT IMPORT EXPORT AND TRAINING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108318888

**3. Ngày thành lập:** 12/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 114 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                 | 8230     |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                      | 4641     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Giao nhận hàng hóa; Gửi hàng    | 5229     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 5.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy ngoại ngữ;- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng                                    | 8559     |
| 6.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)                                                                       | 4543     |
| 7.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm             | 7810     |
| 8.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                       | 4511     |
| 9.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                              | 7920     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, hàng da và hàng giả da khác;<br>Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm... | 4649        |
| 11. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633        |
| 12. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7912        |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Tư vấn du học                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8560        |
| 14. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Doanh nghiệp cho thuê lại lao động; Hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                       | 7830        |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5610        |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610        |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651        |
| 18. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5621        |
| 19. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6619        |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020        |
| 21. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4513        |
| 22. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. Bán lẻ dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác                                                                                                                                           | 4730        |
| 23. | Bán mô tô, xe máy<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4541        |
| 24. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4632        |
| 25. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7911(Chính) |
| 26. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8532        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên                      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN NGỌC HÙNG (NGUYỄN KIỀU HÙNG) | Khu 6, Thị Trấn Na Dương, Huyện Lộc Bình, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam                    | 5.000.000.000         | 50,000    | 081054586                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN TÙNG                     | Thôn Thịnh Vạn, Xã Minh Đức, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                   | 5.000.000.000         | 50,000    | 033089000252                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC HÙNG (NGUYỄN KIỀU HÙNG) Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/08/1982* Dân tộc: *Tày* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *081054586*

Ngày cấp: *26/04/2016* Nơi cấp: *Công an Tỉnh Lạng Sơn*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu 6, Thị Trấn Na Dương, Huyện Lộc Bình, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu 6, Thị Trấn Na Dương, Huyện Lộc Bình, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*